TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ CAO BẰNG** **TỈNH CAO BẰNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 32A/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 05/4/2018
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CAO BẰNG - TỈNH CAO BẰNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thúy Hằng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nông Văn Vụ

2. Ông Đinh Văn Hải

- Thư ký phiên tòa: Ông Lục Trường Anh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Bằng tham gia phiên toà: Ông Phạm Thanh Giang - Kiểm sát viên.

Trong ngày 05 tháng 4 năm 2018, tại Trụ sở tòa án nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 174/2017/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 11 năm 2017 về tranh chấp: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 23/2018/QĐXX-ST ngày 23 tháng 3 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Triệu Thị Thùy N- sinh năm 1988;

Nơi đăng ký HKTT: Tổ C, phường NX, thành phố CB, tỉnh Cao Bằng;

Chỗ ở hiện nay: Tổ M, phường HG, thành phố CB, tỉnh Cao Bằng; (Có mặt).

- *Bị đơn:* Đoàn Ngọc H - sinh năm 1977;

Nơi đăng ký HKTT: Tổ C, phường NX, thành phố CB, tỉnh Cao Bằng;

Chỗ ở hiện nay: Tổ M, phường NX, thành phố CB, tỉnh Cao Bằng; (Vắng mặt, không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 25 tháng 10 năm 2017, bản tự khai ngày 04 tháng 12 năm 2017 và tại phiên tòa nguyên đơn Triệu Thị Thùy N trình bày: Chị N và anh H tổ chức lễ cưới và chung sống với nhau từ năm 2006, kết hôn tự nguyện, được tìm hiểu, có tổ chức lễ cưới ở hai bên gia đình, đăng ký kết hôn ngày 19 tháng 10 năm 2007 tại Ủy ban nhân dân xã NX, thị xã CB, tỉnh Cao

Bằng (Nay là phường NX, thành phố CB, tỉnh Cao Bằng). Sau khi kết hôn chị N và anh H bán hàng (buôn bán) cùng gia đình chị N tại Chợ X thành phố CB. Hiện tại chị N vẫn bán hàng cùng gia đình chị, còn anh H làm lái xe tại Ảnh viện áo cưới VP.

Về quá trình chung sống vợ chồng: Sau khi kết hôn chị và anh H chung sống hòa thuận hạnh phúc được khoảng 8 năm, đến tháng 5 năm 2015 thì nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân nảy sinh mâu thuẫn là do anh H không lo được kinh tế gia đình và không có trách nhiệm với gia đình con cái, do anh H thường xuyên lô đề, cờ bạc dẫn đến nợ nần, chị đã nhiều lần phải trả nợ cho anh H. Giữa hai anh chị đã nảy sinh mâu thuẫn cãi chửi nhau nhưng không xảy ra xô sát đánh đập. Khi mâu thuẫn nảy sinh chị đã góp ý với anh H nhưng anh H vẫn không thay đổi. Mâu thuẫn của hai vợ chồng cũng đã được gia đình, bạn bè góp ý, khuyên giải nhưng vẫn không có kết quả. Do đó, anh chị đã sống ly thân từ tháng 7 năm 2016 đến nay. Từ khi ly thân hai anh chị không còn sự quan tâm chăm sóc đến nhau nữa mặc dù thời gian đầu chị đã tìm cách gặp anh H để nói chuyện, hòa giải nhưng anh H không gặp và không muốn hòa giải với chị. Nay chị N xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn không thể hòa giải, hai vợ chồng không có tiếng nói chung, không thể hòa hợp với nhau được nữa nên yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn.

Về con chung: Trong quá trình chung sống vợ chồng chị N và anh H có 01 (một) con chung, cháu tên là Đoàn Quang H - sinh ngày 26/01/2006, hiện nay cháu đang sinh sống cùng với chị N. Khi ly hôn chị N yêu cầu được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Đoàn Quang H cho đến khi cháu thành niên và không yêu cầu anh H cấp dưỡng cho con chung. Lý do chị yêu cầu được quyền nuôi con là vì hiện nay cháu H đang ở cùng với chị và theo nguyện vọng của cháu H muốn được ở cùng với mẹ. Mặc dù hiện nay chị đang sống cùng bố mẹ đẻ nhưng đã được gia đình tặng cho đất để làm nhà ở riêng, bản thân chị có công việc với thu nhập ổn định, ngoài thu nhập từ việc bán hàng tại chợ chị còn có thu nhập từ việc đóng cổ phần tại Công ty TNHH hai thành viên SM Cao Bằng (hãng tacxi SM), chị còn có một số tiền tiết kiệm tại Ngân hàng đủ để trang trải cuộc sống cho chị và cháu H, mặt khác việc chăm sóc cháu H từ trước đến nay chủ yếu là do chị. Còn anh H hiện đang phải trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc một con riêng của anh H nên không có điều kiện để nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu H.

Về tài sản chung: Chị N xác định tài sản chung không có nên không yêu cầu tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Nguyên đơn xác định không có nên không yêu cầu tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn Đoàn Ngọc H: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh H để anh H thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nhưng anh H không viết bản tự khai; không đồng ý cho Tòa án lấy lời khai. Đồng thời anh H vắng mặt tại các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; không giao nộp chứng cứ và vắng mặt tại phiên tòa không

có lý do. Tuy nhiên, tại Biên bản tống đạt văn bản tố tụng ngày 13/12/2017 tại Tổ C, phường NX, thành phố CB, tỉnh Cao Bằng, anh H có ý kiến sẽ không tham gia tố tụng tại Tòa và đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt. Về quan hệ hôn nhân anh H đồng ý ly hôn, về con chung anh H đề nghị được trực tiếp nuôi con và không yêu cầu chị N cấp dưỡng cho con. Vụ án thuộc trường hợp không hòa giải được theo quy định tại khoản 1 Điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự. Do đó Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử. Ngày 14 tháng 3 năm 2018 Tòa án nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng đã đưa vụ án ra xét xử, anh Đoàn Ngọc H vắng mặt, Tòa án đã hoãn phiên tòa.

Tại phiên tòa hôm nay, anh Đoàn Ngọc H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt. Căn cứ quy định của pháp luật Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh H.

Tại phiên tòa chị N xác định tình cảm vợ chồng không còn, vợ chồng không thể hòa hợp với nhau được nữa, yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký trong quá trình giải quyết vụ án là đúng quy định của pháp luật; Tại phiên tòa Thẩm phán và Hội đồng xét xử đều thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Việc chấp hành pháp luật của đương sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng được quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn không thực hiện đúng theo quy định của pháp luật.

- Về việc giải quyết vụ án: Tòa án thụ lý vụ án đúng quy định tại Điều 195 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015.

+ Về quan hệ hôn nhân: Chị N và anh H kết hôn năm 2006, hôn nhân tự nguyện, có được tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại UBND xã NX, thị xã CB (nay là phường NX, thành phố CB), có tổ chức cưới ở hai bên gia đình. Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận hạnh phúc đến tháng 5/2015 thì nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh H không lo được kinh tế gia đình và không có trách nhiệm với gia đình, ham lô đề, cờ bạc dẫn đến nợ nần, chị N đã góp ý nhưng anh H không thay đổi. Vợ chồng chưa xảy ra xô sát đánh đập nhau nhưng đã sống ly thân từ tháng 7 năm 2016 đến nay. Trong thời gian ly thân, khi xảy ra mâu thuẫn chị N đã tìm cách gặp anh H để nói chuyện, hòa giải nhưng không có kết quả, chị N xác định tình cảm không còn nên đã làm đơn xin ly hôn.

Quá trình thụ lý giải quyết vụ án Tòa án đã báo gọi các bên đương sự đến để viết bản tự khai và hòa giải theo quy định của pháp luật nhưng anh H không hợp tác mặc dù đã được giải thích quyền, nghĩa vụ. Tại biên bản tống đạt văn bản tố tụng số 560 ngày 13/12/2017 của Tòa án nhân dân thành phố Cao Bằng cho anh Đoàn Ngọc H, anh H nhận văn bản tố tụng nhưng từ chối ký biên bản giao nhận, anh H không viết bản tự khai, không đồng ý cho Tòa án lấy lời khai và từ chối tham gia mọi hoạt động tố tụng tại Tòa án. Anh H cho biết đã nhận

được thông báo thụ lý và thông báo hòa giải lần thứ nhất nhưng không tham gia tố tụng và đề nghị giải quyết vắng mặt, anh H nhất trí ly hôn và đề nghị được nuôi con, không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con.

+ Về con chung: Anh chị có 01 (một) con chung, cháu tên là Đoàn Quang H - sinh ngày 26/01/2006, hiện nay đang ở với chị N. Ngày 18/12/2017 Tòa án lấy lời khai cháu H (là con chung của chị N và anh H), nếu bố mẹ không sống với nhau nữa thì nguyện vọng của cháu muốn được ở cùng mẹ. Chị N yêu cầu được nuôi con chung là cháu H, không yêu cầu anh H đóng góp nuôi con chung. Xét về điều kiện để nuôi con thì chị N có điều kiện hơn anh H, nên cần giao con chung cho chị N nuôi dưỡng là phù hợp với quy định của pháp luật.

+ Về tài sản chung, nợ chung: Tại tòa chị N xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Từ những phân tích trên, đề nghị Hội đồng xét xử tiền hành xét xử:

+ Áp dụng khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

+ Căn cứ khoản 1 Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Xử chấp nhận đơn xin ly hôn của chị Triệu Thị Thùy N được ly hôn anh Đoàn Ngọc H;

- Con chung giao cho chị N nuôi dưỡng và giáo dục đến tuổi trưởng thành;

Đề nghị Hội đồng xét xử ra bản án đúng quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nội dung vụ án là ly hôn và tranh chấp về nuôi con chung. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng.

Bị đơn Đoàn Ngọc H đã được Tòa án tống đạt Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định của pháp luật. Mặc dù anh H đã nhận được văn bản tố tụng của Tòa án nhưng không hợp tác với Tòa án trong việc giải quyết vụ án. Anh H ba lần vắng mặt tại các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 1 Điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự. Do đó, Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử. Tại phiên tòa, bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai vắng mặt, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn Đoàn Ngọc H.

[2] Về nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Triệu Thị Thùy N và anh Đoàn Ngọc H tổ chức lễ cưới và chung sống với nhau từ năm 2006, kết hôn tự nguyện, trên cơ sở tìm

hiểu, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán. Chị N, anh H đã đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã NX, thị xã CB, tỉnh Cao Bằng (nay là phường NX, thành phố CB, tỉnh Cao Bằng) ngày 19 tháng 10 năm 2007. Xét tình trạng hôn nhân giữa chị N và anh H kết hôn tự nguyện, có sự tìm hiểu, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn theo đúng trình tự thủ tục quy định. Do đó quan hệ hôn nhân giữa chị N và anh H là quan hệ hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận.

Về quá trình chung sống vợ chồng: Sau khi kết hôn chị N, anh H chung sống hòa thuận hạnh phúc sau đó phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh H không lo được cho kinh tế gia đình, không có trách nhiệm với gia đình và con cái, do anh H thường xuyên lô đề, cờ bạc dẫn đến nợ nần, từ đó dẫn đến vợ chồng mâu thuẫn cãi chửi nhau, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung. Tòa án đã tiến hành xác minh tại địa phương, kết quả xác minh cũng cho thấy chị N và anh H đã nảy sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do hai vợ chồng không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống và kinh tế. Kết quả xác minh tại địa phương và lấy lời khai đối với bà Lê Thị L (mẹ đẻ anh H) cũng cho thấy anh chị đã sống ly thân từ lâu. Từ khi ly thân đến nay mâu thuẫn của anh chị không được cải thiện dẫn đến chị N yêu cầu ly hôn. Anh H không viết bản tự khai, không đồng ý cho Tòa án lấy lời khai nhưng tại Biên bản tống đạt văn bản tố tụng ngày 13/12/2017 anh H đã thể hiện ý kiến nhất trí ly hôn. Hội đồng xét xử nhận thấy chị N và anh H không còn tình cảm vợ chồng, quan hệ hôn nhân đã có mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Triệu Thị Thùy N.

Về con chung: Căn cứ vào tài liệu chứng cứ do chị N giao nộp; lời khai của đương sự, người làm chứng; ý kiến của con chưa thành niên; kết quả xác minh tại địa phương Hội đồng xét xử nhận thấy chị N và anh H có (một) con chung, cháu tên là Đoàn Quang H - sinh ngày 26/01/2006, hiện nay cháu đang sinh sống cùng với chị N. Khi ly hôn chị N và anh H đều yêu cầu được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Đoàn Quang H cho đến khi cháu thành niên và không yêu cầu người không trực tiếp nuôi con cấp dưỡng cho con. Do hai đương sự có tranh chấp về nuôi con chung nên Tòa án đã yêu cầu các đương sự cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh người có đủ điều kiện để trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ các bên đã giao nộp, Hội đồng xét xử nhận thấy chị N hiện nay đang sinh sống cùng bố mẹ đẻ nhưng đã được gia đình tặng cho đất để làm nhà ở riêng, chị N có công việc với thu nhập ổn định, hiện nay chị cũng có một số tiền tiết kiệm tại Ngân hàng đủ để trang trải cuộc sống cho chị và cháu H. Bên cạnh đó cháu H hiện đang sinh sống cùng với mẹ. Việc thay đổi nơi cư trú, môi trường sinh hoạt của cháu là không cần thiết, thậm chí có thể ảnh hưởng đến sự phát triển bình thường của cháu. Cháu H cũng có nguyện vọng được sinh sống cùng với mẹ là chị N. Do đó, cần giao cháu Đoàn Quang H cho chị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu H thành niên là phù hợp với quy định của pháp luật. Về cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn, do các bên đương sự không

yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết nên không đặt ra việc giải quyết trong vụ án này. Việc thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn và cấp dưỡng được giải quyết theo quy định của pháp luật khi có yêu cầu.

Về tài sản chung, nợ chung: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa chị N xác định không có tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết. Anh H không có lời khai về tài sản chung. Do đó, Tòa án không xem xét giải quyết về chia tài sản trong vụ án này. Việc chia tài sản sẽ được giải quyết bằng vụ án khác khi có yêu cầu của các đương sự.

[3] Về án phí: Đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Triệu Thị Thùy N và anh Đoàn Ngọc H.

2. Về nuôi con chung: Giao con chung Đoàn Quang H - sinh ngày 26/01/2006 (Giới tính: Nam) cho chị Triệu Thị Thùy N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con thành niên. Không đặt ra việc cấp dưỡng cho con.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về chia tài sản, nợ chung: Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị Triệu Thị Thùy N phải chịu 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm để sung quỹ nhà nước. Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm chị N đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số AA/2016/0000224 ngày 14 tháng 11 năm 2017 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng. Chị N đã nộp đủ tiền án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Triệu Thị Thùy N có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Anh Đoàn Ngọc H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

T M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nơi nhận:
- Tòa án tỉnh Cao Bằng;
- Viện kiểm sát TP Cao Bằng;
- Thi hành án DS TP Cao Bằng;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn.

Lê Thúy Hằng